| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 73/2025/KDTM-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Lê Quang G - Kiểm sát viên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-KDTM ngày 28/02/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2025/QĐXXST-KDTM ngày 15/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1198/2025/QĐST-KDTM ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH C N B
Trụ sở: Đường X, Khu công nghiệp ĐA, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD (nay là phường BH, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Bà Nguyễn Thị T P, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: C2-229 chung cư E, phường VP, thành phố TA, tỉnh BD (nay là phường LT, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Phan Quốc H, sinh năm: 2001
Địa chỉ: Số 84 đường NTP, phường DA, thành phố DA, tỉnh BD (nay là phường DA, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Bị đơn:* Công ty TNHH Công nghiệp CKSG

Trụ sở: Số 43 Đường X, phường HBC, thành phố TĐ (nay là phường HB), Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Xuân G, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số 01 đường AB, khu phố BĐ 2, phường AB, thành phố DA, tỉnh BD (nay là phường DA, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông H, ông G có mặt. Bà P có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền ông Phan Quốc H, bà Nguyễn Thị T P:*

Ngày 01/01/2022, Công ty TNHH C N B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH Công nghiệp CKSG (gọi tắt là Công ty CKSG) ký kết Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 với nội dung Công ty B đồng ý bán cho Công ty CKSG sản phẩm sơn các loại (sơn lót, sơn bóng, dầu chuối, chất cứng, sơn NC, PU…) do Công ty B sản xuất. Về số lượng hàng hóa sẽ căn cứ vào đơn đặt hàng của bên mua gửi cho bên bán qua điện thoại, fax, email. Đơn giá căn cứ vào bảng báo giá đã được hai bên xác nhận trước khi giao hàng. Về chất lượng hàng hóa: đúng như mẫu thử mà hai bên đã xác nhận. Bên bán có nghĩa vụ giao hàng đến kho của bên mua tại Ấp Hòa Lân, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo đúng số lượng sản phẩm, đơn giá, chất lượng đã được bên mua đặt hàng. Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ.

Thực hiện hợp đồng, Công ty B đã giao hàng hóa cho Công ty CKSG với tổng giá trị 411.818.572 đồng (đã bao gồm thuế VAT), hai bên đã đối chiếu công nợ và Công ty B đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng số 398 ngày 30/9/2022, số 466 ngày 31/10/2022, số 530 ngày 30/11/2022. Tuy nhiên, đến nay Công ty CKSG chỉ mới thanh toán được cho Công ty B 143.159.384 đồng, số tiền hàng chưa thanh toán là 268.659.188 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là 268.659.188 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất 1%/tháng (12%/năm), tạm tính từ ngày 30/11/2022 (ngày xuất hóa đơn cuối cùng) đến ngày 31/3/2024 là 10.746.367 đồng.

*Bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp CKSG có ông Đào Xuân G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty CKSG là doanh nghiệp chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất nên thường mua các loại sơn, phụ gia của Công ty B để hoàn thành sản phẩm nội thất bán ra thị trường. Từ năm 2020, Công ty CKSG đã bắt đầu giao dịch mua bán sản phẩm sơn các loại với Công ty B. Ngày 01/01/2022 hai bên tiếp tục ký Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 với các nội dung thỏa thuận đúng như lời trình bày của đại diện

nguyên đơn. Khi giao kết hợp đồng, phía Công ty B có cam kết nếu Công ty CKSG mua hàng hóa đạt đến trị giá 12.000 USD/tháng thì Công ty CKSG sẽ hỗ trợ điều động 01 nhân viên kỹ thuật chuyền (là người chuyên về kỹ thuật pha màu của Công ty B, có kinh nghiệm và thiết bị để pha màu cho ra thành phẩm đúng như mẫu màu thử hai bên đã thống nhất khi đặt hàng).

Thực hiện Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022, nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hóa theo đặt hàng cho bị đơn. Tuy nhiên vào thời điểm tháng 7/2022, do lượng hàng tồn kho nhiều chưa xử lý kịp nên bị đơn có gửi email đề nghị nguyên đơn điều phối thêm 01 kỹ thuật viên hướng dẫn pha màu nhằm hỗ trợ bị đơn xử lý bớt lượng hàng tồn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do không xử lý được hàng tồn kho nên bị đơn trễ hạn thanh toán tiền công nợ. Ngày 27/7/2023, bị đơn đã gửi email xác nhận công nợ đến cuối năm 2022 là 619.385.060 đồng và đã tích cực thanh toán, đến ngày 27/7/2023 số tiền công nợ còn lại là 268.659.188 đồng. Bị đơn tiếp tục đề xuất phương án nguyên đơn hỗ trợ kỹ thuật viên và bán thêm một số sơn, phụ gia để giải quyết hàng tồn, thậm chí bị đơn còn đề nghị được mua hàng bằng tiền mặt nhưng nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt mọi hoạt động mua bán với bị đơn.

Đến nay, bị đơn xác nhận số tiền công nợ còn lại với nguyên đơn là 268.659.188 đồng. Tuy nhiên do tình hình tài chính khó khăn, đề nghị nguyên đơn không tính tiền lãi chậm trả và phối hợp, giúp đỡ bị đơn xử lý hàng tồn kho, để bị đơn có nguồn tiền thanh toán công nợ cho nguyên đơn.

*Tại phiên tòa,*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH Công nghiệp CKSG phải thanh toán số mua hàng còn nợ là 268.659.188 đồng và tiền lãi chậm thanh toán; tuy nhiên có thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi, cụ thể: yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 12%/năm tính từ ngày 29/8/2023 (sau 30 ngày kể từ ngày bị đơn gửi email xác nhận công nợ ngày 27/7/2023) đến ngày 29/8/2025 (tương đương 24 tháng) là: 64.478.205 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Xuân G trình bày: Xác nhận đến ngày 30/3/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng là 411.818.572 theo thông báo công nợ của nguyên đơn. Bị đơn đã tích cực tìm biện pháp thanh toán tiền công nợ và đã thanh toán được 143.159.384 đồng, còn nợ lại 268.659.188 đồng, tuy nhiên do nguyên đơn không có thiện chí hỗ trợ bị đơn xử lý hàng tồn kho và từ tháng 7/2023 đã đơn phương chấm dứt cung cấp sơn càng gây khó khăn cho bị đơn trong việc xử lý hàng tồn. Vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu thanh toán công nợ của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, về thời hạn xét xử không đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của đại diện bị đơn có cơ sở xác định Công ty TNHH C N B đã cung cấp đầy đủ hàng hóa cho Công ty TNHH Công nghiệp CKSG theo Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 ngày 01/01/2022, đến nay hai bên đều thống nhất xác nhận số tiền công nợ còn lại là 268.659.188 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền này là có cơ sở. Đối với tiền lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 12%/năm là phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019) và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; về thời gian tính lãi từ ngày 29/8/2023 (30 ngày kể từ ngày bị đơn gửi email xác nhận công nợ ngày 27/7/2023) là phù hợp, có lợi cho bị đơn. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng hóa là các sản phẩm sơn còn nợ theo hợp đồng mua bán do hai bên ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp CKSG có địa chỉ trụ sở chính tại phường HBC, thành phố TĐ (nay là phường HB), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 ngày 01/01/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH C N B và Công ty TNHH Công nghiệp CKSG hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký người đại diện hợp pháp và được đóng dấu đỏ của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

Xét lời khai của đại diện nguyên đơn về tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã giao cho bị đơn theo hợp đồng (tính đến ngày 30/3/2023) là 411.818.572

đồng (03 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử số 398 ngày 30/9/2022, số 466 ngày 31/10/2022, số 530 ngày 30/11/2022) phù hợp với các chứng từ thanh toán và lời khai thừa nhận của đại diện bị đơn về số tiền công nợ. Vậy nên có cơ sở xác định quá trình thực hiện hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022, nguyên đơn đã giao đủ số lượng sản phẩm sơn các loại theo đặt hàng cho bị đơn; tính đến ngày 30/3/2023 số tiền công nợ còn lại của hợp đồng là: 411.818.572 đồng. Ngày 31/3/2023, bị đơn thanh toán 100.000.000 đồng. Ngày 16/5/2023 thanh toán thêm 43.159.384 đồng. Như vậy số tiền hàng bị đơn còn nợ chưa thanh toán là 268.659.188 đồng, phù hợp với lời khai xác nhận số tiền đã thanh toán và công nợ còn lại của đại diện bị đơn.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn về việc đề nghị nguyên đơn phải điều phối kỹ thuật viên hướng dẫn pha màu, hỗ trợ bị đơn xử lý hàng tồn kho để có nguồn tiền thanh toán công nợ cho nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 ngày 01/01/2022 chỉ thỏa thuận về phương thức trả hàng trong trường hợp sau khi nhận hàng, bên mua phát hiện hàng không đạt chất lượng theo mẫu đã kiểm và phải thực hiện việc trả hàng ngay; hợp đồng không có điều khoản thỏa thuận về cơ chế phối hợp xử lý hàng tồn kho cũng như chính sách thưởng khi bên mua mua hàng đạt doanh số 12.000 USD/tháng. Ngoài hợp đồng, hai bên không ký kết phụ lục hay văn bản riêng thể hiện nội dung thỏa thuận này. Nguyên đơn không thừa nhận hai bên có cam kết về việc nguyên đơn có trách nhiệm điều phối thêm 01 nhân viên kỹ thuật pha màu cho bị đơn, các nội dung email chỉ là hình thức hai doanh nghiệp hỗ trợ nhau trong lúc khó khăn, phía Công ty Brillian cũng đã hỗ trợ 01 kỹ thuật viên cho CKSG, việc điều phối thêm 01 kỹ thuật viên nữa Công ty B không có khả năng chi trả tiền công. Ngoài lời khai, phía bị đơn xác định không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận chính thức về việc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Công ty B không có nghĩa vụ phải điều phối kỹ thuật viên hỗ trợ Công ty CKSG xử lý hàng tồn kho.

[2.3] Đối với tiền lãi suất chậm trả: Xét, tại hợp đồng mua bán các đương sự không thỏa thuận về việc tính lãi suất chậm trả; nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận về thời gian thanh toán tại hợp đồng và căn cứ quy định pháp luật yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất chậm trả trên số tiền hàng còn nợ với mức lãi suất 12%/năm, tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2025 (tương đương 24 tháng), cụ thể: (268.659.188 đồng x 12% x 24/12) = 64.478.205 đồng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019), Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và đối chiếu với mức lãi suất cho vay quá hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm xét xử của 03 ngân hàng Thương mại cổ phần trên địa bàn đều có mức lãi suất nợ quá hạn cao hơn 12%. Vì vậy, mức lãi suất chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật. Về thời gian tính lãi, đại diện bị đơn thừa nhận đến ngày 30/3/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng 411.818.572 theo thông báo công nợ của nguyên đơn, có cơ sở xác định hai bên đã thống nhất công nợ trước ngày 30/3/2023, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ

ngày 29/8/2023 là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán 64.478.205 đồng.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên chấp nhận.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Điều 11; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C N B về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với Công ty TNHH Công nghiệp CKSG;

Công ty TNHH Công nghiệp CKSG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C N B số tiền mua hàng còn thiếu theo Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/2022 ngày 01/01/2022 là 268.659.188 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 64.478.205 đồng, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 333.137.393 (ba trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Công nghiệp CKSG phải chịu 16.656.870 (mười sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH C N B được nhận lại 6.985.139 (sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025269 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- PTHADS khu vực 2 - TP.HCM;
- Đương sự,
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Ngọc Khánh**